

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 241/2022/HSST

Ngày: 29/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Ngọc Liên**

Các Hội thẩm nhân dân: **1- Bà Lương Thị Phương**

2- Bà Dương Thị Diễm

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội đưa ra xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 201/2022/TL-HSST ngày 21 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ tên bị cáo: **Bùi Văn H**; Sinh năm: 1993; HKTT: Xã N, huyện K, tỉnh H; Nơi ở: Số 6 ngõ H, phường N, quận B, thành phố H; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Văn H1, sinh năm 1963 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1966; Vợ, con: Chưa có; Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 155 ngày 04/7/ 2022 tại Công an quận Ba Đình, Hà Nội; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/5/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số I, Công an thành phố Hà Nội, số giam: 2204B2/8. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ tên bị cáo: **Đinh Thị Đ**; Sinh năm: 1985; HKTT: Số 5 hẻm 2 ngách 76/32 A, phường Y, quận T, thành phố H; Nơi ở: 35A ngách 76/32 A, phường Y, quận T, thành phố H; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đinh Thế L, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; Chồng: Đinh Bá M – Sinh năm 1984 (Đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2013; Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 155 ngày 13/6/2022 tại Công an quận Ba Đình, Hà Nội; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/5/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số I, Công an thành phố Hà Nội, số giam: 2201B2/M2. (Có mặt tại phiên tòa).

* **Người bị hại: Chị Vũ Kim L;** sinh năm: 1986; ĐKHKT: Số 99 ngõ 173 H, phường N, quận B, thành phố H; Nơi ở: 106 ngõ 173/63 H, phường N, quận B, thành phố H. *(có mặt tại phiên tòa).*

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Đinh Thị Đ: Luật sư Lê Văn C và Luật sư Vi Văn L** thuộc Công ty luật TNHH B Việt Nam – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. *(Có mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Bùi Văn H và bị cáo Đinh Thị Đ bị Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Năm 2019, Đinh Thị Đ làm nhân viên của cơ sở S có địa chỉ tại 117 T, phường T, quận B, thành phố H và có quan hệ tình cảm với Bùi Văn H. Đ và H chung nhau đầu tư tài chính vào sàn giao dịch Forex và Bitcoin. Tháng 7/2020, H và Đ chung nhau tiền mua trả góp chiếc xe ô tô Vinfast BKS: 30G: 4127X tại Ngân hàng VPBank - 59 Trần Phú, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Đăng ký xe ô tô đứng tên Đinh Thị Đ. Sau đó H lên mạng internet lấy 1 file ảnh đăng ký xe ô tô và chỉnh sửa thông tin thành Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 30G: 4127X mang tên Bùi Văn H, địa chỉ: Số 5 hẻm 2 ngách 76/32 A, phường Y, quận T, thành phố H với mục đích để đưa cho bố mẹ H xem là xe ô tô của H.

Quá trình đầu tư vào Forex và Bitcoin, H nói với Đ giới thiệu để khách hàng của Spa tham gia đầu tư, H cam kết lãi từ 15-20%/ 1 tháng, nếu thua lỗ H đền cho khách hàng 70-80% tiền gốc nếu gặp rủi ro. Đ đã rủ chị Nguyễn Thị H và chị Vũ Kim L tham gia đầu tư Forex và Bitcoin. Do tin tưởng nên chị H và chị L đã chuyển tiền đầu tư cho Đ các lần như sau:

Tháng 12/2020 chị H chuyển khoản số tiền 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng) vào tài khoản của Đ tại Ngân hàng Techcombank số tài khoản 19034495256xxx để Đ chuyển cho H đầu tư vào Forex (Tương đương 4.000 USD). Khoảng 2 ngày sau chị H tiếp tục chuyển khoản số tiền 24.000.000 đồng tương đương 1.000 USD cho Đ để đầu tư thêm vào Forex. H đã mở tài khoản mang thông tin tên Nguyễn Thị H trên trang mạng Thinhmarkets.com để giao dịch Forex. Đến ngày 8/2/2021, chị H đã yêu cầu Đ rút về 3.000 USD, số tiền trên được trả thẳng vào tài khoản Ngân hàng Techcombank số 1903257123xxx của chị H. Ngoài ra chị H còn được trả thêm số tiền 5.000.000 đồng là lãi của khoản đầu tư còn 2000 USD chị H được Đ trả lãi hai tháng tiếp theo là 10.000.000đồng/1 tháng. Sau đó chị H đưa cho Đ vay 24 triệu đồng tương đương 1.000 USD để đầu tư vào forex và thấy trong tháng vẫn có lãi trả về tài khoản ngân hàng chị H. Đến tháng 5/2021, Đ nói với chị H tài khoản giao dịch của chị H đã bị cháy. Tính đến thời điểm bị cháy tài khoản số tiền chị H đã rút gốc về là khoảng 4.000 USD cộng với số tiền lãi khoảng 1.600 USD. Đ còn nợ của chị H tổng cộng 3000 USD đầu tư

Forex và 1000 USD tiền vay. Chị H và Đ đã thỏa thuận với nhau là Đ nợ số tiền này và sẽ trả dần. Sau đó Đ đã trả cho chị H được 19.000.000 đồng.

Tháng 01/2021, Vũ Kim L đã chuyển số tiền 119.700.000 đồng để đầu tư vào Forex và Bitcoin bằng hình thức chuyển khoản Ngân hàng vào tài khoản của Đinh Thị Đ tại Ngân hàng Techcombank số TK:19034495256xxx cụ thể:

Ngày 06/01/2021 chị L chuyển 71.700.000 đồng.

Ngày 07/01/2021 chị L chuyển 48.000.000 đồng.

Sau đó Đ đã chuyển số tiền 119.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng Techcombank số TK: 19034483999xxx của H. Đ giữ lại 700.000 đồng làm phí môi giới.

Ngày 08/01/2021, H đã tạo tài khoản trên sàn Thinkmarket.com sử dụng thông tin cá nhân của L mang tên Vũ Kim L và nạp 119.000.000 đồng được 4.000USD trong tài khoản. Tài khoản này H đã giao mã MT4 cho người môi giới trên sàn giao dịch Thinkmarket.com để copy lệnh giao dịch mua bán tự động, đến ngày 22/02/2022 thì tài khoản bị cháy và số tiền còn lại là 286 USD, H đã rút về tài khoản Ngân hàng của Vũ Kim L.

Cũng trong tháng 01/2021 (Cụ thể vào ngày 11 và 16/01/2021) chị L có chuyển cho Đ số tiền 191.200.000 đồng để nhờ mua đồng Bitcoin Vault do Công ty Miningcity khai thác. Ngày 11 và 16/01/2021, Đ đã chuyển cho H số tiền 188.000.00 đồng và nói với H mua đồng Bitcoin Vault cho L. Đ giữ lại 3.200.000 đồng. H đã thu mua của nhiều người quen trên sàn được 106 đồng Bitcoin Vault, sau đó H thông báo lại cho Đ biết. Hiện nay 106 đồng Bitcoin Vault này đang được quản lý ở trong ví coin của H ở sàn Coineal. Do H bị mất CMT và số điện thoại nên không thể đăng nhập vào ví để chuyển trả lại 106 đồng Bitcoin Vault cho L được.

Do cần tiền để tiếp tục đầu tư Forex, Đ và H bàn với nhau dùng đăng ký xe ô tô giả mang tên Bùi Văn H để đặt cho L vay số tiền 235.000.000 đồng, tương đương với 10.000USD để tiếp tục đầu tư. Đ là người liên lạc với chị L và trao đổi cầm cố đăng ký xe ô tô mang tên Bùi Văn H lấy 235.000.000 đồng thì L đồng ý. Sau đó Đ và H đến nhà riêng của L ở chung cư V, ngõ 34 V để nói chuyện vay tiền và thế chấp đăng ký xe ô tô Vinfast BKS: 30G-4127X mang tên Bùi Văn H để vay 235.000.000 đồng với mức lãi suất 10.000.000đ/1 tháng. Ngày 19/02/2021, Đ và H có đến gặp L ở gần nhà L ngõ 34 V. Trên xe ô tô Vinfast BKS: 30G-4127X, H có viết cho L một giấy đặt cọc mua xe Vinfast BKS: 30G-4127X (Đ ký người chứng kiến) và đưa cho L giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 598237 biển số 30G-4127X mang tên Bùi Văn H, địa chỉ: Số 5 hẻm 2 ngách 76/32 A, phường Y, quận T, thành phố H. Chị L đã chuyển số tiền 235.000.000 đồng sang tài khoản của H. H và Đ đã dùng số tiền trên đầu tư vào Forex và bị thua lỗ. Từ tháng 02/2021 đến tháng 7/2021, H và Đ đã trả lãi cho L tổng số tiền là 48.400.000 đồng. Do không thấy H

và Đ trả gốc và lãi, chị L đã liên lạc với Đ và H để đòi tiền thì được Đ cho biết giấy đăng ký chứng nhận xe ô tô BKS: 30G-4127X mang tên Bùi Văn H là giả. Chị Vũ Kim L đã làm đơn tố giác và nộp lại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 598237 BKS: 30G-4127X mang tên Bùi Văn H cho cơ quan Công an.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã gửi Quyết định trưng cầu giám định đến phòng PC09-CATP Hà Nội giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 598237 mang tên Bùi Văn H và chữ ký, chữ viết của Bùi Văn H trên giấy đặt cọc mua xe đề ngày 19/02/2021.

Tại bản kết luận giám định số 1561/PC09-P5 đề ngày 15/03/2022 kết luận như sau:

1. Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 598237 cần giám định là Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

2. Chữ viết, chữ ký đứng tên Bùi Văn H trên mẫu cần giám định ký hiệu A với chữ viết, chữ ký đứng tên Bùi Văn H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là chữ do cùng một người viết ra.

Người bị hại chị Vũ Kim L khai: Khoảng ngày 17,18/02/2021, Đinh Thị Đ và Bùi Văn H đến nhà chị L ở Chung cư V ở ngõ 34 V, H và Đ đặt vấn đề muốn thế chấp đăng ký xe ô tô Vinfast Lux 2.0 BKS: 30G-4127X để vay 235.000.000 đồng để làm ăn gỡ lại tài khoản bị cháy. H nói là đăng ký xe chính chủ mang tên H và hứa trong 1 đến 2 tháng sẽ trả lại tiền nếu không sẽ bán lại xe cho chị L. Đ và H thỏa thuận trả lãi 10.000.000đ/tháng. Ngày 19/02/2021 H đi xe ô tô Vinfast BKS: 30G-4127X, Đ đi xe máy chở con gái đến đầu ngõ 3 V gặp chị L nói chuyện. H đưa cho chị L 01 đăng ký xe ô tô Vinfast số 598237 BKS: 30G-4127X mang tên Bùi Văn H, địa chỉ: Số 5 hẻm 2 ngách 76/32 A, chị L kiểm tra đăng ký xe thấy trùng với biển kiểm soát nên đồng ý cho H vay 235.000.000 đồng. H viết cho chị L 01 giấy đặt cọc mua xe ô tô đề ngày 19/12/2021 với nội dung H đã nhận 235.000.000 đồng để đặt cọc mua xe ô tô Vinfast BKS: 30G-4127X trị giá 800.000.000 đồng và cho Đ ký chứng kiến. Sau đó chị L đã chuyển vào tài khoản của H số TK 88201668xxx tại Ngân hàng MB bank số tiền 235 triệu đồng. Từ tháng 3 đến tháng 7/2021, H và Đ có chuyển khoản trả tiền lãi cho chị L 10.000.000 đồng/tháng. Tháng 9/2021 chuyển 5.000.000 đồng bằng Coin. Từ tháng 9/2021 đến nay không trả nữa. Sau đó Đ có nói đăng ký xe ô tô mang tên Bùi Văn H BKS: 30G-4127X là đăng ký giả. Cho đến nay Đ và H chưa trả lại cho chị L số tiền 235.000.000 đồng. Do vậy, chị L làm đơn trình báo gửi Công an quận Ba Đình.

Lời khai của Bùi Văn H, Đinh Thị Đ phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại Vũ Kim L, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ.

Đối với Vũ Kim L cầm cố giấy đăng ký xe ô tô bằng giấy chứng nhận đặt cọc bán xe ô tô cho Bùi Văn H, Đinh Thị Đ để cho vay số tiền 235.000.000 đồng hai

bên thỏa thuận lãi suất 10.000.000đ/tháng tương đương 52,2%/ năm chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Do vậy không đủ căn cứ để xử lý đối với chị Vũ Kim L.

Đối với các khoản tiền chị Nguyễn Thị H, chị Vũ Kim L đã chuyển khoản cho Đinh Thị Đ và Bùi Văn H để đầu tư vào sàn giao dịch Forex và Bitcoin là giao dịch dân sự do các bên tự nguyện thỏa thuận nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự.

Cáo trạng số 187/CT-VKS ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Bùi Văn H về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức theo khoản 1 điều 341 và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 điều 174 BLHS; Truy tố bị cáo Đinh Thị Đ về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, được quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 174 BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Văn H và Đinh Thị Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bị hại: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn H. Về phần dân sự: Buộc bị cáo Đinh Thị Đ trả số tiền còn lại là 80.000.000 đồng. Chị L xác nhận đã nhận số tiền 155.000.000 đồng gồm: 150.000.000 đồng của bị cáo H và 5.000.000 đồng của bị cáo Đ.

Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm vụ án và đưa ra những chứng cứ, lý lẽ luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 06 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức ” và 06 năm tù đến 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 06 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đinh Thị Đ 08 năm tù đến 09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Bùi Văn H và bị cáo Đinh Thị Đ phải liên đới bồi thường số tiền 235.000.000 đồng. Xác nhận đại diện gia đình bị cáo Bùi Văn H đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại số tiền 150.000.000 đồng; Đại diện gia đình bị cáo Đinh Thị Đ đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại số tiền 5.000.000 đồng nên buộc bị cáo Đinh Thị Đ phải bồi thường cho Chị Vũ Kim L số tiền 80.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội, các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố không có tranh luận gì. Nội dung lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đinh Thị Đ nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải khắc phục một phần hậu quả nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đ theo khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, người bị hại, người bào chữa cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, về thủ tục quy định của bộ Luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ diễn biến vụ án đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Bùi Văn H đã thực hiện hành vi làm giả đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Vinfast BKS: 30G-4127X mang tên Bùi Văn H và sử dụng đăng ký xe ô tô giả cùng với Đinh Thị Đ có hành vi gian dối sử dụng đăng ký xe ô tô giả lừa đảo chiếm đoạt 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng) của chị Vũ Kim L vào ngày 19/02/2021 tại ngõ 34 V, quận B, thành phố H. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình truy tố bị cáo Bùi Văn H về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức theo khoản 1 điều 341 và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 điều 174 BLHS; Truy tố bị cáo Đinh Thị Đ về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Thông qua diễn biến vụ án và quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa cho thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo H đã xâm phạm quản lý hành chính Nhà nước, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội. Trong vụ án này có yếu tố đồng phạm là giản đơn phân hóa vai trò, bị cáo Đ có vai trò chính liên hệ với bị hại là chị L. H là người tiếp nhận ý chí nên bị cáo Đ phải chịu mức hình phạt cao hơn

bị cáo H. Tuy nhiên xét nhân thân các bị cáo chưa có tiền án tiền sự, các bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại phiên tòa đại diện gia đình bị cáo Đinh Thị Đ tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại là 5.000.000 đồng. Gia đình bị cáo H đã khắc phục bồi thường hơn 1/2 số tiền chiếm đoạt là 150.000.000 đồng cho bị hại. Chị L đã nhận tiền và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H. Vì vậy cần thiết áp dụng các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ Luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Bùi Văn H và bị cáo Đinh Thị Đ phải liên đới bồi thường số tiền 235.000.000 đồng. Xác nhận đại diện gia đình bị cáo Bùi Văn H đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại số tiền 150.000.000 đồng; Đại diện gia đình bị cáo Đinh Thị Đ đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại số tiền 5.000.000 đồng nên buộc bị cáo Đinh Thị Đ phải bồi thường cho Chị Vũ Kim L số tiền 80.000.000 đồng theo quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về án phí: Bị cáo Bùi Văn H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đinh Thị Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các căn cứ, nhận định của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Bùi Văn H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Bị cáo **Đinh Thị Đ** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 3 Điều 174 ; khoản 1 Điều 341; Điều 38; Điều 47; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bùi Văn H 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” và 06 (sáu) năm về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 09/5/2022.

- Điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; Điều 47; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự;

Xử phạt: Bị cáo **Đinh Thị Đ 07** (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/5/2022.

Các Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Đinh Thị Đ** phải có trách nhiệm bồi thường cho chị **Vũ Kim L** số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự (10%/năm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo **Bùi Văn H** phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo **Đinh Thị Đ** phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự và 4.000.000 (Bốn triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Trại tạm giam số 1 Công an TP Hà Nội;
- Công an quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- UBND phường N, quận B, thành phố H;
- UBND phường Y, quận T, thành phố H.
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Ngọc Liên